

Số: 3725/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 09 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản, Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07/8/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc

phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/11/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 206/TTr-SNN ngày 09/11/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Bãi bỏ các nội dung công bố tại các số thứ tự 6, 7, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 mục I, phần A Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP; Bộ NN&PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU; TT HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP Nguyễn Đức Thọ;
- Các PVP UBND TP;
- Đài PT&THHP; Báo HP; CĐ ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Các Phòng: KSTTHC; NNTN&MT;
- Lưu: VT, KSTTHC 5.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**
(Kèm theo Quyết định số: 3725/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (07 TTHC)**

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả		Căn cứ pháp lý
			Số	UBND TP			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường (01 TTHC)									
1	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	20 ngày làm việc TH hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không	Toàn trình	x	- Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015; - Quyết định số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20/6/2023.
			55 ngày làm việc TH bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	10 ngày làm việc					
II. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (06 TTHC)									
1	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	25 ngày	05 ngày	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không	Toàn trình	x	- Luật Sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/11/2023.
2	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	12 ngày trường hợp cấp lại	03 ngày	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không	Toàn trình	x	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/11/2023.
			03 ngày làm việc trường hợp Thẻ bị lỗi do UBND TP gây ra	02 ngày làm việc					

3	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	55 ngày (Đã gồm 30 ngày kể từ ngày UBND TP ra thông báo để người được cấp Thẻ có ý kiến)	05 ngày	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không	Toàn trình	x	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/11/2023.
4	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định viên quyền đối với giống cây trồng	25 ngày	05 ngày	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không	Toàn trình	x	- Luật Sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/11/2023.
5	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định viên quyền đối với giống cây trồng	12 ngày trường hợp cấp lại 03 ngày làm việc trường hợp Thẻ bị lỗi do UBND TP gây ra	03 ngày 02 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không	Toàn trình	x	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/11/2023.
6	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo	55 ngày (Đã gồm 30 ngày kể từ ngày UBND TP ra thông báo để người được cấp Thẻ có ý kiến)	05 ngày	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không	Toàn trình	x	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Quyết định số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/11/2023.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (15 TTHC)
1. THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(12 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
Lĩnh vực Thủy lợi và Phòng chống thiên tai				
1	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “<i>Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.</i>” 2. Tiêu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: <i>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</i> <i>(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp phép;</i> <i>(3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;</i> <i>(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;</i> <i>(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung:</i> + <i>Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</i> + <i>Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;</i> + <i>Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;</i> + <i>Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án.</i> + <i>Bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công được phê duyệt.</i>
2	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ” 2. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “<i>Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.</i>” 3. Tiêu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: <i>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018);</i> <i>(2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp phép;</i> <i>(3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;</i> <i>(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân;</i> <i>(5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung:</i> + <i>Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</i>

				+ Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; + Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án.
3	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác” 2. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.” 3. Tiêu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); (2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; (3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi; (4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân; (5) Bản sao giấy phép dịch vụ nổ mìn; (6) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung: + Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; + Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; + Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án.
4	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ”. 2. Mục 1 - Trình tự thực hiện sửa Bước 3 thành “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép” 3. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.” 4. Tiêu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); (2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị cấp giấy phép; (3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi;

				(4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân; (5) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cơ giới đường bộ; phương tiện đường thủy nội địa; (6) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung: + Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; + Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; + Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án. 5. Mục 4 - Thời hạn giải quyết sửa thành "Thời hạn cấp giấy phép: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định."
5	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Mục 1 - Trình tự thực hiện sửa Bước 3 thành "Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép" 2. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành "Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng." 3. Tiểu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); (2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; (3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi; (4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân. (5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung: + Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; + Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; + Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án. 4. Mục 4 - Thời hạn giải quyết sửa thành "Thời hạn cấp giấy phép: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định."
6	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ	1. Tên TTHC được sửa đổi từ "Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản" 2. Mục 1 - Trình tự thực hiện sửa Bước 3 thành "Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ,

		trình thủy lợi	sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thăm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.” 3. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.” 4. Tiểu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018). (2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; (3) Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi. (4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về ảnh hưởng của hoạt động đến việc quản lý, khai thác và an toàn công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân. (5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung: + Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; + Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; + Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Bản sao thông báo thăm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án. 5. Mục 4 - Thời hạn giải quyết sửa thành “Thời hạn cấp giấy phép: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.”
7	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ” 2. Bước 3, Mục 1 - Trình tự thực hiện: sửa đổi nội dung thành “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thăm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.” 3. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.” 4. Tiểu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: (1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); (2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; (3) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; (4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; (5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải bổ sung:

				+ Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép); + Trường hợp có thay đổi quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động được cấp phép phải bổ sung: bản sao quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án điều chỉnh.
8	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác” 2. Bước 3, Mục 1 - Trình tự thực hiện: sửa đổi nội dung thành “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.” 3. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.” 4. Tiểu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: (1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); (2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép. (3) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; (4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; (5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải bổ sung: + Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép); + Trường hợp có thay đổi quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động được cấp phép phải bổ sung: bản sao quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án điều chỉnh.
9	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu; khoan, đào khảo	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của	1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác dưới đất; xây dựng công trình ngầm” 2. Bước 3, Mục 1 - Trình tự thực hiện: sửa đổi nội dung thành “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.” 3. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “Hồ sơ gửi

		sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm	Luật Thủy lợi	bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.” 4. Tiêu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: (1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018). (2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép. (3) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân. (4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân. (5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải bổ sung: + Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép); + Trường hợp có thay đổi quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động được cấp phép phải bổ sung: bản sao quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án điều chỉnh.
10	2.001401	Cấp gia hạn điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ” 2. Bước 3, Mục 1 - Trình tự thực hiện: sửa đổi nội dung thành “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.” 3. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.” 4. Tiêu mục a, Mục 3 - Thành phần hồ sơ sửa đổi thành: (1) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo Mẫu số 02 (quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); (2) Sơ họa vị trí khu vực tiến hành hoạt động đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép. (3) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân; (4) Văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi về tình hình thực hiện giấy phép được cấp của tổ chức, cá nhân. (5) Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép phải bổ sung: + Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cập nhật đến thời điểm đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép); + Trường hợp có thay đổi quy mô, công suất, thông số chủ yếu của các hoạt động được cấp phép phải bổ sung: bản

				sao quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án điều chỉnh.
11	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Bước 2, Mục 1 - Trình tự thực hiện: sửa đổi nội dung thành “Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp lại giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp lại giấy phép.” 2. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua môi trường mạng.” 3. Mục 3 - Thành phần, số lượng hồ sơ sửa đổi thành: a) Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ. 4. Mục 9 - Tên mẫu đơn, tờ khai sửa đổi mẫu đơn thành: Có (Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023). 5. Mục 10 – Điều kiện thực hiện TTHC chỉnh sửa thành: “Không quy định”.
12	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức	Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	1. Bước 2, Mục 1 - Trình tự thực hiện: sửa đổi nội dung thành “Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp lại giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp lại giấy phép.” 2. Mục 2 - Cách thức thực hiện sửa đổi thành “Hồ sơ gửi bằng hình thức sau: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện và qua môi trường mạng.” 3. Mục 3 - Thành phần, số lượng hồ sơ sửa đổi thành: a) Thành phần hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023). (2) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (3) Bản sao các Quyết định do cơ quan có thẩm quyền cấp về việc thay đổi tên doanh nghiệp do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ 4. Mục 9 - Tên mẫu đơn, tờ khai sửa đổi mẫu đơn thành: “Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023” Có (Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023). (chỉnh sửa) 5. Mục 10 – Điều kiện thực hiện TTHC chỉnh sửa thành: “Không quy định”.